



**Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và
Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký kinh doanh số 0103043042 ngày 24 tháng 12 năm 2009

Giấy chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 0104346228 ngày 21 tháng 6 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104346228 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 6 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch
Ông Đỗ Trọng Huân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Nguyễn Long	Thành viên
Ông Hà Tiên Tiến	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Đỗ Bảo Hưng	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Hà Tiên Tiến	Giám đốc (từ ngày 9 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc (đến ngày 9 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Cao Tiến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Long	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, Tòa nhà D1, Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ
Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Hà Tiến Tiên
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy
Vinaconex 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-365



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1



Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		89.851.730.089	82.585.963.270
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.546.148.872	13.663.009.737
Tiền	111		513.148.872	6.163.009.737
Các khoản tương đương tiền	112		1.033.000.000	7.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.980.000.000	6.060.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	6.980.000.000	6.060.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.253.952.539	46.233.182.596
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.095.600.853	38.771.859.571
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.351.056.446	4.196.664.706
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.360.956.568	3.666.055.147
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(553.661.328)	(401.396.828)
Hàng tồn kho	140	9	14.044.223.328	16.456.939.113
Hàng tồn kho	141		14.629.115.996	17.041.831.781
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(584.892.668)	(584.892.668)
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.405.350	172.831.824
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	116.483.336
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.405.350	56.348.488
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		2.712.698.790	2.822.310.722
Tài sản cố định	220		1.304.392.659	366.519.298
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.304.392.659	366.519.298
Nguyên giá	222		3.134.697.231	3.056.094.893
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.830.304.572)	(2.689.575.595)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.172.521.976	2.345.043.953
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.172.521.976	2.345.043.953
Tài sản dài hạn khác	260		235.784.155	110.747.471
Chi phí trả trước dài hạn	261		235.784.155	110.747.471
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		92.564.428.879	85.408.273.992

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

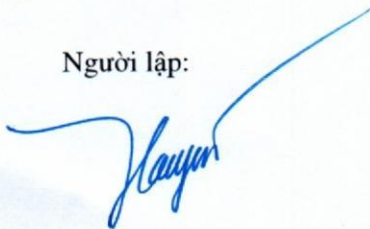
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		71.553.989.485	66.617.410.287
Nợ ngắn hạn	310		68.685.896.315	63.749.317.117
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	39.439.864.056	41.152.965.614
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.135.512.258	7.753.369.629
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	13	1.925.531.240	1.620.448.136
Phải trả người lao động	314		1.479.134.064	1.029.467.838
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	8.845.906.850	6.761.365.396
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	3.960.124.993	4.251.836.043
Vay ngắn hạn	320	16	4.385.879.686	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		418.861.492	1.060.862.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		95.081.676	119.001.676
Nợ dài hạn	330		2.868.093.170	2.868.093.170
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	2.868.093.170	2.868.093.170
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		21.010.439.394	18.790.863.705
Vốn chủ sở hữu	410	17	21.010.439.394	18.790.863.705
Vốn cổ phần	411	18	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000	4.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	660.966.770	660.966.770
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	421		345.472.624	(1.874.103.065)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.874.103.065)	(4.315.202.449)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.219.575.689	2.441.099.384
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		92.564.428.879	85.408.273.992

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh
Kế toán trưởng

Hà Tiên Tiên
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

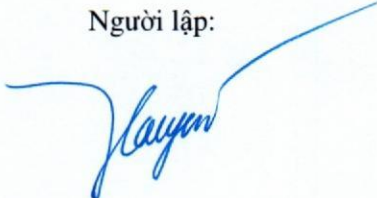
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	89.222.276.542	75.639.226.371
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	80.520.124.825	68.043.746.178
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		8.702.151.717	7.595.480.193
Doanh thu hoạt động tài chính	21		649.321.497	413.647.075
Chi phí tài chính	22		96.344.394	380.135.336
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		96.344.394	380.135.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	5.302.925.781	3.756.846.196
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		3.952.203.039	3.872.145.736
Thu nhập khác	31	23	225.033.836	1.068.221.119
Chi phí khác	32	24	1.030.675.578	2.164.319.860
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(805.641.742)	(1.096.098.741)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.146.561.297	2.776.046.995
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	926.985.608	334.947.611
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		2.219.575.689	2.441.099.384

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh
Kế toán trưởng



M.S. SỐ: 0104346228 - C.T.C
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 XÂY LẮP ĐIỆN NƯỚC VÀ
 PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
 VINACONEX 2
 Đ. HOÀNG MẠI - T.P HÀ NỘI

Hà Tiên Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.146.561.297	2.776.046.995
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		236.264.694	939.057.800
Các khoản dự phòng	03		(489.736.793)	1.075.991.906
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		323.093.334	(1.480.962.320)
Chi phí lãi vay	06		96.344.394	380.135.336
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.312.526.926	3.690.269.717
Biến động các khoản phải thu	09		(21.051.323.044)	(2.447.086.187)
Biến động hàng tồn kho	10		2.412.715.785	(12.972.851.479)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		960.253.867	29.953.147.959
Biến động chi phí trả trước	12		(8.553.348)	200.618.703
			(14.374.379.814)	18.424.098.713
Tiền lãi vay đã trả	14		(72.130.581)	(476.760.248)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(694.832.483)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.920.000)	(12.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.165.262.878)	17.934.738.465
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(1.375.030.909)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		401.000.000	3.479.200.000
Tiền đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn	23		(920.000.000)	(6.060.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		556.553.236	342.308.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.337.477.673)	(2.238.491.125)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

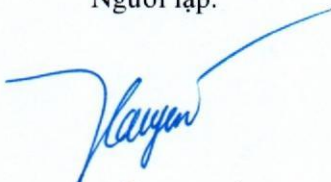
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	89.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		6.765.032.686	3.873.075.775
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.379.153.000)	(9.404.281.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.385.879.686	(5.442.206.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(12.116.860.865)	10.254.041.340
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		13.663.009.737	3.408.968.397
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	1.546.148.872	13.663.009.737

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh
Kế toán trưởng



Hà Triển Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình và thi công lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, điều hòa và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 50 nhân viên (1/1/2017: 43 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	2 - 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(I) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (Công ty Cổ phần Xây dựng số 2), công ty mẹ cấp cao nhất (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	37.685.799	3.112.084
Tiền gửi ngân hàng	475.463.073	6.159.897.653
Các khoản tương đương tiền	1.033.000.000	7.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.546.148.872	13.663.009.737
	<hr/>	<hr/>

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn hạn tại:		
• Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	3.760.000.000	3.060.000.000
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Quang Trung	3.220.000.000	3.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	6.980.000.000	6.060.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3.760 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay và bảo lãnh của Công ty (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công ty liên quan		
Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	27.957.424.530	26.076.526.730
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	19.687.677.304	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	2.251.985.525	2.651.985.525
	<hr/> 49.897.087.359	<hr/> 28.728.512.255
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp IMMICO	999.636.500	1.149.636.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	802.770.000	932.770.000
Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	-	1.509.864.003
Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy Vạn Xuân	596.443.224	1.633.443.224
Các khách hàng khác	4.799.663.770	4.817.633.589
	<hr/> 57.095.600.853	<hr/> 38.771.859.571

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thể được thanh toán khi có yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu người lao động	3.647.966.910	2.829.791.911
Ký cược, ký quỹ	402.907.527	206.764.737
Phải thu khác	310.082.131	629.498.499
	<hr/> 4.360.956.568	<hr/> 3.666.055.147

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

		31/12/2017		Giá trị có thể thu hồi VND
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Khách lẻ	Trên 3 năm	133.888.000	(133.888.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phương Bắc	Trên 3 năm	80.000.000	(80.000.000)	-
Vũ Hồng Vinh - Công trình Mễ Trì Hạ	Trên 3 năm	66.792.828	(66.792.828)	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Đức Nguyên	Trên 3 năm	52.500.000	(52.500.000)	-
Công ty TNHH Hà Nội Plaza	Trên 3 năm	37.660.000	(37.660.000)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	182.820.500	(182.820.500)	-
		553.661.328	(553.661.328)	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (553.661.328)

		1/1/2017		Giá trị có thể thu hồi VND
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Khách lẻ	Trên 3 năm	133.888.000	(133.888.000)	-
Vũ Hồng Vinh - Công trình Mễ Trì Hạ	Trên 3 năm	66.792.828	(66.792.828)	-
Công ty TNHH Hà Nội Plaza	Trên 3 năm	37.660.000	(37.660.000)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	163.056.000	(163.056.000)	-
		401.396.828	(401.396.828)	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (401.396.828)

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	981.527.243	-	1.201.542.600	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	12.733.353.878	-	14.926.054.306	-
Thành phẩm	914.234.875	(584.892.668)	914.234.875	(584.892.668)
	14.629.115.996	(584.892.668)	17.041.831.781	(584.892.668)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 914 triệu VND thành phẩm (1/1/2017: 914 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

(*) Chi tiết các công trình xây lắp và dự án lắp đặt hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy dở dang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hệ thống điện nước - tòa chung cư 2B Vinata	6.245.016.226	-
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – công trình Viwaseen	1.406.516.760	-
Hệ thống phòng cháy chữa cháy nhà C – Kim Văn Kim Lũ	1.075.947.224	1.874.374.426
Hệ thống phòng cháy chữa cháy - Nhà máy in và sản xuất bao bì Goldsun	1.000.380.996	-
Hệ thống điện nước nhà C – Kim Văn Kim Lũ	933.340.466	1.121.296.719
Công trình nhà C - CT19B Khu đô thị Việt Hưng - Long Biên	676.326.396	1.596.713.548
Công trình CP1A	583.662.079	2.453.174.310
Công trình Viwaseen phần thân	-	5.121.561.630
Dự án san tấp mặt bằng	-	2.519.388.628
Các công trình khác	812.163.731	239.545.045
	12.733.353.878	14.926.054.306

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	543.168.595	2.176.612.662	86.313.636	250.000.000	3.056.094.893
Mua trong năm	-	-	-	1.375.030.909	1.375.030.909
Thanh lý	-	(1.296.428.571)	-	-	(1.296.428.571)
Số dư cuối năm	543.168.595	880.184.091	86.313.636	1.625.030.909	3.134.697.231
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	508.378.589	1.858.125.803	73.071.203	250.000.000	2.689.575.595
Khấu hao trong năm	9.939.996	117.594.005	13.242.433	95.488.260	236.264.694
Thanh lý	-	(1.095.535.717)	-	-	(1.095.535.717)
Số dư cuối năm	518.318.585	880.184.091	86.313.636	345.488.260	1.830.304.572
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	34.790.006	318.486.859	13.242.433	-	366.519.298
Số dư cuối năm	24.850.010	-	-	1.279.542.649	1.304.392.659

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 973 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.199 triệu VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: Không (1/1/2017: 318 triệu VND).

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.345.043.953	-
Tăng trong năm	-	2.345.043.953
Xóa sổ	(1.172.521.977)	-
	1.172.521.976	2.345.043.953

Công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản chi phí xây dựng cho dự án Trạm bê tông An Khánh.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	Giá gốc và số có khả năng trả nợ
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Công ty liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Công ty mẹ	3.233.865.669	2.646.478.640
<i>Các nhà cung cấp khác</i>		
Nguyễn Công Toàn	10.539.950.446	15.757.739.282
Công ty Cổ phần Tomeco An Khang	709.943.395	1.169.493.328
Công ty TNHH Công nghệ và Vật liệu xây dựng Phương Bắc	609.473.000	659.473.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thành Đạt	544.620.000	644.620.000
Doanh nghiệp tư nhân Thành Hương	200.000.000	1.334.458.509
Công ty TNHH Thiết bị điện Thăng Long	270.624.641	169.445.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng An Thịnh	-	355.976.491
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Nông thôn	-	106.112.312
Các nhà cung cấp khác	23.331.386.905	18.309.168.071
	39.439.864.056	41.152.965.614

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã bù trừ trong năm	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.299.914.011	8.963.831.290	(2.683.386.493)	(6.216.140.482)	1.364.218.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	301.813.718	926.985.608	(694.832.483)	-	533.966.843
Thuế thu nhập cá nhân	18.720.407	135.216.054	(126.590.390)	-	27.346.071
Thuế khác	-	186.125.891	(186.125.891)	-	-
	1.620.448.136	10.212.158.843	(3.690.935.257)	(6.216.140.482)	1.925.531.240

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí công trình	8.775.026.368	6.682.915.799
Chi phí thuê văn phòng	5.000.000	8.049.592
Chi phí phải trả khác	65.880.482	70.400.005
	<hr/> 8.845.906.850	<hr/> 6.761.365.396

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	21.953.035	12.995.535
Phải trả công ty mẹ	2.010.535.365	2.010.535.365
Các khoản phải trả khác	1.927.636.593	2.228.305.143
	<hr/> 3.960.124.993	<hr/> 4.251.836.043

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Giá trị chênh lệch tài sản bàn giao và vốn góp từ công ty mẹ	2.668.093.170	2.668.093.170
Giá trị thương hiệu của công ty mẹ	200.000.000	200.000.000
	<hr/> 2.868.093.170	<hr/> 2.868.093.170

(c) Phải trả khác cho các công ty liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Công ty mẹ	4.878.628.535	4.878.628.535
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	-	6.765.032.686	(2.379.153.000)	4.385.879.686		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vay ngắn hạn thể hiện giá trị khoản vay với Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt. Khoản vay bằng VND, chịu lãi suất 8,6% và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3.760 triệu VND (Thuyết minh 5).

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	19.261.000.000	4.000.000	660.966.770	(4.315.202.449)	15.610.764.321
Phát hành cổ phiếu	739.000.000	-	-	-	739.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.441.099.384	2.441.099.384
Số dư tại ngày 1/1/2017	20.000.000.000	4.000.000	660.966.770	(1.874.103.065)	18.790.863.705
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.219.575.689	2.219.575.689
Số dư tại 31/12/2017	20.000.000.000	4.000.000	660.966.770	345.472.624	21.010.439.394

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	2.000.000	20.000.000.000	1.926.100	19.261.000.000
Phát hành cổ phiếu	-	-	73.900	739.000.000
Số dư cuối năm	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017	2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Hợp đồng xây lắp	13.977.011.349	21.590.476.384
▪ Lắp đặt hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy	75.136.174.283	53.729.659.078
▪ Cho thuê thiết bị	109.090.910	319.090.909
	<hr/>	<hr/>
	89.222.276.542	75.639.226.371
	<hr/>	<hr/>

21. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hợp đồng xây lắp	13.447.533.069	20.707.216.859
▪ Lắp đặt hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy	67.051.735.090	47.185.867.270
▪ Cho thuê thiết bị	20.856.666	150.662.049
	<hr/>	<hr/>
	80.520.124.825	68.043.746.178
	<hr/>	<hr/>

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.362.153.516	2.240.337.034
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.007.901	149.861.849
Chi phí khấu hao	194.429.454	25.319.380
Chi phí trích lập dự phòng	152.264.500	89.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	565.758.313	651.640.339
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	912.312.097	600.187.594
	<hr/>	<hr/>
	5.302.925.781	3.756.846.196
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	200.107.146	1.067.315.245
Các khoản khác	24.926.690	905.874
	<hr/>	<hr/>
	225.033.836	1.068.221.119

24. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định chờ thanh lý	53.571.432	779.111.285
Các khoản phạt hợp đồng	165.541.491	589.955.004
Các khoản phạt thuế	35.206.495	77.456.864
Các khoản chi phí khác	776.356.160	717.796.707
	<hr/>	<hr/>
	1.030.675.578	2.164.319.860

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	52.157.195.260	47.091.960.670
Chi phí nhân công	27.208.330.404	29.404.171.884
Chi phí khấu hao	236.264.694	939.057.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.425.174.076	1.413.111.022
Chi phí khác	2.377.025.834	4.991.899.469
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	926.985.608	334.947.611

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.146.561.297	2.776.046.995
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	629.312.259	555.209.399
Chi phí không được khấu trừ thuế	297.673.349	165.124.150
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(385.385.938)
	926.985.608	334.947.611

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	37.619.595.228	53.265.553.901
Góp vốn thông qua bù trừ công nợ	-	650.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 - công ty liên quan		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.271.310.452
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	48.773.108.744	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	823.453.691	827.006.650

28. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Bù trừ tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho công ty mẹ với công nợ phải trả	-	650.000.000



Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thị Tuyết Anh
Kế toán trưởng

Hà Tiên Tiến
Giám đốc